

CHÍNH SÁCH TÍN DỤNG PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN VÀ VAI TRÒ CỦA CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KON TUM

AGRICULTURE CREDIT POLICY AND ROLE OF COMMERCIAL BANKS IN KON TUM PROVINCE

Ngày nhận bài: 09/01/2017

Ngày chấp nhận đăng: 05/10/2017

Nguyễn Thị Minh Chi

TÓM TẮT

Tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn là một chính sách tín dụng lớn bởi phạm vi rộng và đối tượng phục vụ đa dạng, chiếm số lượng lớn trong lĩnh vực nông nghiệp, khu vực nông thôn cả nước nói chung, tỉnh Kon Tum nói riêng. Tuy nhiên, tình trạng chung hiện nay tín dụng chưa vào được nông nghiệp, trong đó có nguyên nhân chủ yếu là do quy mô sản xuất kinh doanh của bên vay vốn đa số chỉ ở mức nông hộ và doanh nghiệp nhỏ. Đồng thời sự tham gia của các ngân hàng thương mại vào lĩnh vực tín dụng nông nghiệp nông thôn trên địa bàn còn hạn chế. Vì vậy, bài viết nhằm đánh thực trạng chính sách tín dụng cho khu vực nông nghiệp, nông thôn giai đoạn 2011- 2015 của các ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh Kon Tum. Từ đó, đưa ra các giải pháp tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, thúc đẩy tăng trưởng tín dụng bền vững, góp phần tích cực trong quá trình phát triển nông nghiệp và nông thôn của tỉnh Kon Tum.

Từ khóa: chính sách; tín dụng; ngân hàng thương mại; nông nghiệp-nông thôn, Kon Tum

ABSTRACT

Credit for agriculture and rural development, is a great credit policy by the wide range and diversity service subjects, accounted for the bulk of the agricultural sector and rural areas throughout Vietnam in general, Kon Tum in particular. However, the current state of the credit generally is not on agriculture, which is caused mainly due to the majority of borrowers' production business scale at only households and small businesses. At the same time, the participation of commercial banks in the field of agriculture and rural credit is limited. Therefore, to assess the status of credit policy of commercial banks for the agricultural sector and rural areas during the period of the 2011- 2015 in Kon Tum. Then, the article will offers solutions to overcome the difficulties and problems, promote sustainable credit growth, contributing actively in the development of agriculture and rural areas in Kontum

Keywords: policy; credit; commercial banks; agriculture-rural; Kon Tum

1. Đặt vấn đề

Việt Nam hiện nay vẫn đang đứng trước tình trạng không hấp thụ được tín dụng. Trong khi đó, nông nghiệp là một trong năm lĩnh vực được Nhà nước ưu tiên nhưng những hạn chế chung hiện nay đang làm cho tín dụng chưa vào được nông nghiệp, trong đó có nguyên nhân là quy mô sản xuất kinh doanh của bên vay vốn đa số chỉ ở mức nông hộ và doanh nghiệp nhỏ. Chính vì quy mô nhỏ nên vốn tự có và tài sản đảm bảo của các

khách hàng nhóm này rất hạn chế. Do đó, việc vay vốn bổ sung khi tăng quy mô sản xuất kinh doanh rất khó thực hiện, mặc dù ngân hàng đã áp dụng nhiều biện pháp tháo gỡ khó khăn, kể cả cho vay không có tài sản đảm bảo. Thêm vào đó, cơ cấu cho vay trong lĩnh vực nông nghiệp còn bất cập như hầu hết các khoản vay là ngắn hạn, vay nhỏ lẻ, phục vụ cho nhu cầu mùa vụ, chưa đầu tư vào

ThS. Nguyễn Thị Minh Chi, Phân hiệu Đại học Đà Nẵng tại Kon Tum

chiều sâu, công nghệ (Nguyễn & Trần, 2012). Chuỗi liên kết 4 nhà trong vài năm qua được hình thành ở nhiều địa phương, nhiều sản phẩm đặc thù nhưng quy chế phối hợp thiếu chặt chẽ nên việc quản lý rủi ro (trong đó có rủi ro về cấp vốn) cũng hết sức phức tạp. Do vậy, tăng trưởng của ngành nông nghiệp vẫn chưa thể bứt phá.

Kon Tum là một trong những địa phương khó khăn nhất của cả nước. Tỉnh có 2 huyện nghèo thuộc Chương trình 30a của Chính phủ là Tu Mơ Rông và Kon Plong. Tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo Kon Tum còn cao: 23,34% (thống kê đến cuối năm 2012). Trên địa bàn có khoảng 1.700 DN. Trong đó, chủ yếu là doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV). Thời gian gần đây, thị trường tiêu thụ các sản phẩm chủ lực của địa phương như: Cao su, cà phê, sắn, gỗ... gặp nhiều khó khăn. Bên cạnh đó, tình trạng khai thác lâm sản, khoáng sản trái phép chưa được ngăn chặn triệt để... Các tổ chức tín dụng (ngân hàng thương mại, quỹ tín dụng) thực hiện đầu tư tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn (NN-NT) theo hướng dẫn của NHNN Việt Nam tại Thông tư số 14/2010/TT-NHNN ngày 14/6/2010 hướng dẫn chi tiết thực hiện Nghị định 41 về chính sách tín dụng phục vụ phát triển NN-NT (Thông tư số 14) và Thông tư số 10/2015/TT-NHNN ngày 22/07/2015 hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định 55 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển NN-NT (Thông tư số 10). Tuy nhiên qua 5 năm thực hiện, tín dụng nông nghiệp nông thôn trên địa bàn tỉnh Kon Tum không tránh khỏi những khó khăn trên đồng thời cũng gặp không ít những vướng mắc mang tính đặc trưng của vùng.

Vì vậy để giải quyết nút thắt lớn đối với việc cho vay vào lĩnh vực NN-NT, thúc đẩy nông nghiệp phát triển, cần thiết phải đổi mới phương thức sản xuất, tổ chức lại phương

thức sản xuất thông qua các hình thức tổ hợp tác, hợp tác xã,... được Nhà nước hỗ trợ (tín dụng, kỹ thuật, đầu tư cơ sở hạ tầng, dạy nghề...).

2. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

2.1. Chính sách tín dụng và vai trò của các NHTM

Chính sách tín dụng là một hệ thống các biện pháp liên quan đến việc khuếch trương tín dụng hoặc hạn chế tín dụng để đạt mục tiêu đã được hoạch định của NHTM để hạn chế rủi ro, bảo đảm an toàn trong kinh doanh tín dụng của ngân hàng (Đ. T. Võ, 2010). Vì vậy vai trò của các ngân hàng thương mại trong việc phát huy những chính sách tín dụng thành hành động cụ thể như:

- Thực hiện mục tiêu xoá đói giảm nghèo: tạo điều kiện nông hộ nghèo dễ dàng tiếp cận nguồn vốn ngân hàng vươn lên làm giàu; vay vốn ưu đãi với lãi suất thấp phục vụ phát triển sản xuất (Trương, 2017; T. T. A. Võ, 2010).

- Tác động chuyển dịch cơ cấu trong kinh tế: chuyển dịch từ ngành trồng trọt sang chăn nuôi; chuyển dịch từ trong nội bộ ngành; Chuyển từ ngành trồng trọt, chăn nuôi sang ngành nghề khác (Nguyễn và Trần, 2012).

- Thúc đẩy nhanh quá trình tích tụ và tập trung vốn, đất đai, kỹ thuật tiến lên thành lập trang trại mở rộng các hình thức hợp tác: tạo ra động lực mới để tập trung vốn, đất đai, kỹ thuật; hiệu quả kinh tế của sản xuất - nông hộ ngày càng gia tăng đến qui mô nhất định sẽ tiến lên thành lập trang trại; để đảm bảo quyền lợi ngày càng bền vững họ liên kết, hợp tác thành những hội như hội vườn rừng, hội nuôi trồng thủy sản... (Đ. T. Võ, 2010)

- Nâng cao hiệu quả kinh tế, thúc đẩy sản xuất hàng hóa phát triển: mở rộng dẫn đến qui mô vốn tín dụng tăng lên là điều kiện để thúc đẩy sản xuất hàng hóa ngày càng phát triển; qua thẩm định dự án và kiểm tra ngân

hàng đầu tư tín dụng những dự án mang lại hiệu quả kinh tế và có tính cạnh tranh cao (Phan, Trần, và Phạm, 2015).

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Số liệu thứ cấp được thu thập từ báo cáo của các sở ban ngành; các nghiên cứu, bài báo, tạp chí, các đề tài đã công bố có liên quan đến vấn đề nghiên cứu.

Số liệu sơ cấp được thu thập thông qua thực hiện 22 cuộc phỏng vấn chuyên sâu: cán bộ quản lý tại Chi nhánh Ngân hàng nhà nước tỉnh Kon Tum (2 cuộc); cán bộ ngân hàng thương mại (3 cuộc); quản lý doanh nghiệp (5 cuộc); nông dân (8 cuộc); quản lý HTX, trang trại (4).

Số liệu thu thập được xử lý và thống kê để phân tích đánh giá thực trạng triển khai chính sách tín dụng cho khu vực NN-NT trên các khía cạnh doanh số cho vay, tỷ trọng dự nợ, thị phần tín dụng, rủi ro tín dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

3. Thực trạng chính sách tín dụng cho khu vực nông nghiệp, nông thôn giai đoạn 2011- 2015

Tín dụng ngân hàng trong các năm qua đã cơ bản đáp ứng được nhu cầu vốn trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn, đảm bảo về cơ bản nguồn vốn cho phát triển sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp. Hoạt động tín dụng của các ngân hàng thương mại và quỹ tín dụng đã kết hợp cho vay thông thường với cho vay theo các chương trình, dự án quan trọng được ưu đãi lãi suất của Chính phủ, cho vay theo chính sách của Nhà nước, góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở địa phương, tạo công ăn việc làm, xoá đói, giảm nghèo trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Ngoài ra, để tháo gỡ khó khăn của các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong đó có doanh nghiệp xuất khẩu, năm 2015 Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum đã triển khai Chương trình kết nối ngân hàng – doanh nghiệp. Các ngân

hàng trên địa bàn đã chủ động tiếp cận, nắm bắt nhu cầu vay vốn, nhận định các khó khăn của doanh nghiệp trong quan hệ tín dụng với ngân hàng, có giải pháp tháo gỡ, giúp giảm bớt những khó khăn về vốn và chi phí lãi vay. Thông qua Chương trình này đã đẩy mạnh tăng trưởng tín dụng. Lãi suất cho vay ngắn hạn theo Chương trình từ 6,5% - 10,2%/năm, lãi suất cho vay trung dài hạn từ 9,5% - 10,7%/năm.

Tuy nhiên, nhiều khách hàng doanh nghiệp than phiền vốn tín dụng vẫn còn hạn hẹp so với nhu cầu thực tế. Các DN vẫn phải đi vay thế chấp tài sản là chính chứ không được vay theo hợp đồng tín dụng. Các DN cho rằng, trong các điều kiện phải đáp ứng để được cấp tín dụng mà ngân hàng đưa ra, tài sản đảm bảo là yếu tố đầu tiên, trong khi tài sản thế chấp lại không nhiều, gần như DN nào cũng đã dùng tài sản để thế chấp ngân hàng trước đó. Điều kiện được Ngân hàng bảo lãnh cũng rất khó khăn, những DN nhỏ ít đáp ứng được. Hiện tại khu vực cũng chưa có bất kì quỹ bảo lãnh tín dụng nào cho các DNNVV nên chưa thực hiện tốt công tác hỗ trợ nguồn vốn cho đối tượng doanh nghiệp này.

Bên cạnh đó, công tác thực hiện CSTD cũng gặp không ít khó khăn như vướng mắc trong quá trình đầu tư tín dụng như tín dụng chính sách, chủ trương cho vay hỗ trợ giảm tổn thất, cho vay tái canh cà phê.

3.1. Doanh số cho vay và dư nợ tín dụng

Trong 6 tháng cuối năm 2015, các TCTD trên địa bàn triển khai thực hiện tốt một số nhiệm vụ như triển khai thực hiện tốt Chỉ thị số 01/CT NHNN và Chỉ thị số 02/CT NHNN, ngày 27/1/2015 của NHNN Việt Nam; tập trung đầu tư nguồn vốn tín dụng chính sách hỗ trợ sản xuất, đời sống đối với các đối tượng chính sách, hộ đồng bào dân tộc thiểu số, phục vụ xây dựng nông thôn mới; các TCTD có phương án giảm lãi suất cho vay đối với các hợp đồng tín dụng cũ còn

lãi suất cho vay ở mức cao, phần đầu giảm lãi suất cho vay trung dài hạn VND khoảng 1%/năm; tích cực xử lý nợ xấu, góp phần đạt mục tiêu đưa tỷ lệ nợ xấu về mức dưới 3% trước ngày 30/9/2015 theo chỉ đạo của NHNN Việt Nam.

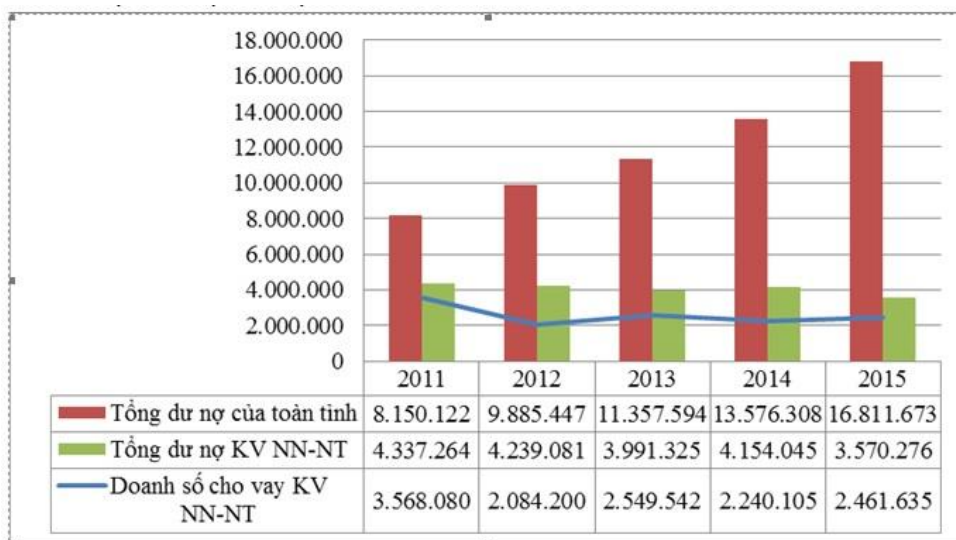
Dư nợ tín dụng cho khu vực NN-NT ổn định trong giai đoạn 2011-2015, nhưng tỉ trọng dư nợ của khu vực này so với dư nợ của toàn tỉnh thì giảm mạnh. Qua hình 1, có thể thấy tổng dư nợ trên toàn tỉnh tăng trưởng khá mạnh. Từ 8.150 tỉ đồng năm 2010 lên đến 16.812 tỉ đồng năm 2015, cao gấp hai lần so với năm 2010. Nguyên nhân chủ yếu là mặt bằng lãi suất cho vay trong thời gian qua tiếp tục giảm và duy trì xu hướng tăng tỷ trọng dư nợ với lãi suất thấp, người dân dễ dàng tiếp cận với nguồn vốn tín dụng. Nếu năm 2010, lãi suất cho vay thông thường dao động 17%-23% thì đến năm 2015 lãi suất chỉ còn là 7%-12%.

Tuy nhiên, dư nợ tín dụng trong khu vực nông nghiệp nông thôn thì diễn biến hoàn toàn khác biệt. Dư nợ khu vực NN-NT dao

động ổn định ở mức 4.000 tỉ đồng. Thêm vào đó lãi suất áp dụng cho khu vực NN-NT cũng thấp hơn từ 2-5% so với mức lãi suất cho vay thông thường.

Ngoài ra, để khuyến khích hệ thống ngân hàng tập trung vốn cho vay lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, NHNN đã triển khai một số cơ chế chính sách ưu đãi đối với các TCTD cho vay nông nghiệp, nông thôn: (i) Áp dụng tỷ lệ dự trữ bắt buộc bằng VND ở mức thấp đối với các TCTD có tỷ trọng dư nợ cho vay nông nghiệp nông thôn cao; (ii) Tái cấp vốn cho TCTD cho vay phát triển nông nghiệp, nông thôn phù hợp với mục tiêu, biện pháp điều hành chính sách tiền tệ; các khoản cho vay này được ưu tiên về thời hạn và nguồn vốn cho vay so với các lĩnh vực khác (Lê và Phạm, 2015).

Các ngân hàng thương mại (NHTM) đã thực hiện giải ngân nguồn vốn tín dụng theo cơ cấu ngành, nghề, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh Kon Tum. Trong đó, chú trọng đến DN sản xuất hàng xuất khẩu và DNNVV.



Hình 1: Doanh số và dư nợ tín dụng nông nghiệp, nông thôn 2011-2015 (ĐVT: triệu đồng)

Nguồn: Báo cáo tình hình cho vay phát triển NN-NT, Ngân hàng Nhà nước CN tỉnh Kon Tum

Từ nguồn vốn của ngân hàng, nhiều dự án sản xuất mía đường, bột sắn, chế biến cà phê,

cao su, thủ công mỹ nghệ xuất khẩu... được triển khai hiệu quả trên địa bàn. Đồng thời,

các TCTD còn tăng cường hỗ trợ tín dụng cho DN đầu tư vào Kon Tum, tập trung ở các vùng kinh tế động lực như: Khu kinh tế cửa khẩu Quốc tế Bờ Y, TP. Kon Tum; Khu du lịch sinh thái quốc gia Măng Đen...

Đáng chú ý, điểm mạnh trong hoạt động của ngành Ngân hàng tỉnh Kon Tum trong thời gian qua là việc gắn đầu tư tín dụng với xây dựng Nông thôn mới.

Đến 31/12/2012 dư nợ khu vực nông nghiệp, nông thôn đạt 4.239 tỷ đồng. Từ nguồn vốn ngân hàng, nhiều dự án thuộc khu vực nông nghiệp, nông thôn có điều kiện bổ sung kinh phí cho trồng trọt, chăn nuôi, nhập khẩu phân bón... Một số mô hình kinh tế nông thôn đạt hiệu quả cao như: nuôi cá lồng trên lòng hồ thủy điện, trồng rau sạch, nuôi bò sinh sản, sơ chế cà phê, cao su...

Trong năm 2012, toàn tỉnh triển khai trồng mới khoảng 200 ha rừng nguyên liệu giấy tại huyện Kon Plong, huyện Sa Thầy. Từ nguồn vốn ngân hàng, các DN đã đầu tư nuôi cá lồng trên lòng hồ Thủy điện Plei Kroong, tổ chức nuôi cá tầm, cá hồi thương phẩm...

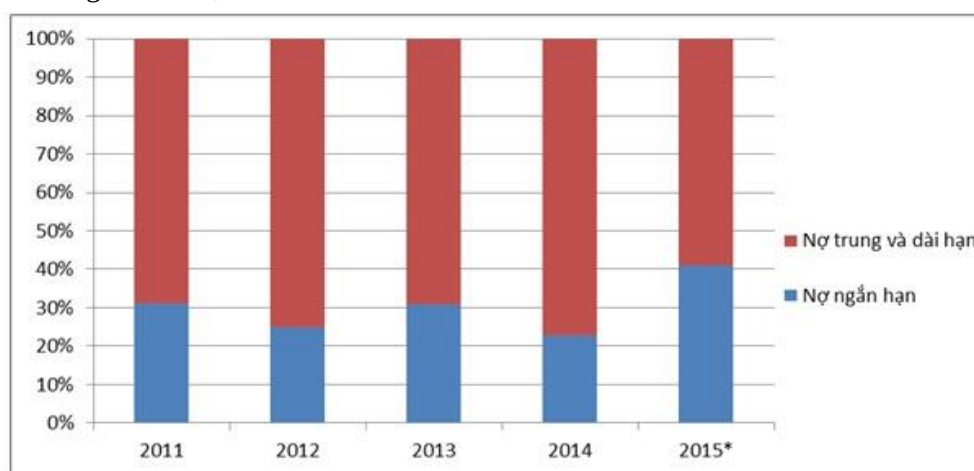
Đồng thời, ngành Ngân hàng cũng đã hỗ trợ phát triển cao su tiêu điện, nhờ đó toàn tỉnh đã trồng mới được 652,86 ha. Nhiều

diện tích cà phê, cao su được mở rộng hàng năm, góp phần chuyển biến cơ cấu kinh tế Kon Tum theo hướng sản xuất hàng hoá gắn với nhu cầu thị trường nội địa và xuất khẩu...

Tuy nhiên, trong thực tế, diện tích cà phê đã khai thác lâu năm trên địa bàn còn khá lớn, năng suất thấp. Vì vậy, cần có cơ chế ưu đãi cho các NHTM đầu tư tái canh vườn cà phê đã già cỗi. Việc đầu tư cây công nghiệp như: cao su, cà phê... kéo dài thời gian, trong khi hạn mức cho vay sản xuất hộ còn thấp, thời gian ngắn... ảnh hưởng đến khả năng thoát nghèo bền vững của bà con nông dân.

3.2. Tỷ trọng dư nợ cho vay theo kì hạn

Cho vay trung – dài hạn chiếm tỷ trọng lớn trong tín dụng nông nghiệp, nông thôn song đã có sự tăng lên về tỷ trọng tín dụng ngắn hạn từ năm 2015. Trong tổng dư nợ cho vay nông nghiệp, nông thôn của các TCTD, cho vay trung và dài hạn vẫn chiếm tỷ trọng chủ yếu. Đến 31/12/2012, trong khi dư nợ cho vay trung, dài hạn chiếm 68,7%% tổng dư nợ cho vay thì cho vay ngắn hạn chiếm đến 21,3% tổng dư nợ. Tuy nhiên, tính đến hết năm 2014, tỷ trọng này tương ứng là 77,0% và 23,0%; tính đến tháng 12/2015 lần lượt là 58,8% và 41,2%.



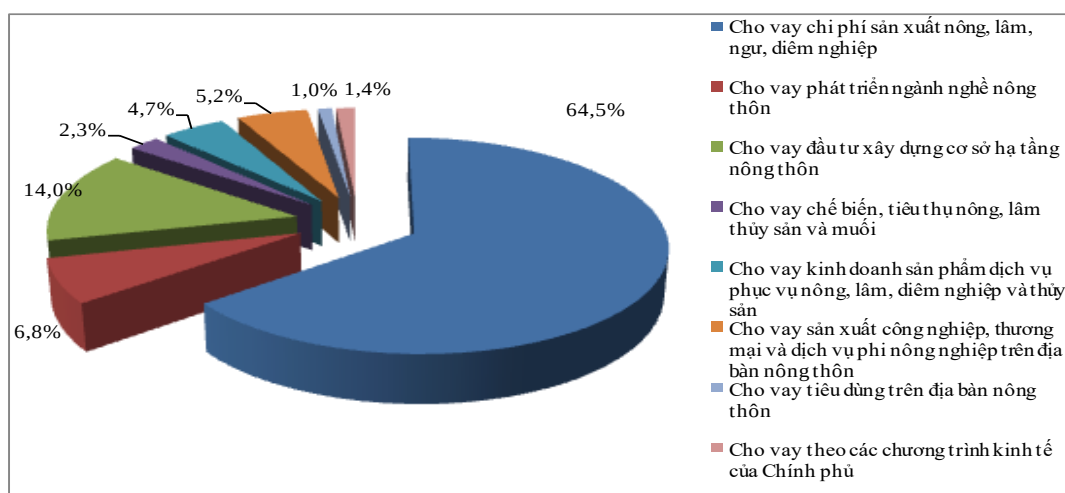
Hình 2: Tỷ trọng dư nợ cho vay theo kì hạn nông nghiệp, nông thôn 2011-2015

Nguồn: Báo cáo tình hình cho vay phát triển NN-NT, Ngân hàng Nhà nước CN tỉnh Kon Tum

3.3. Tỷ trọng dư nợ cho vay nông nghiệp, nông thôn theo mục đích, chương trình

Theo thống kê của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh Kon Tum, đến cuối tháng 12/2014, dư nợ cho vay chi phí sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp là 1.327 tỷ đồng (chiếm 64,5%); dư nợ cho vay đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn 287 tỷ đồng; dư nợ cho vay phát triển ngành nghề nông thôn 140 tỷ đồng.

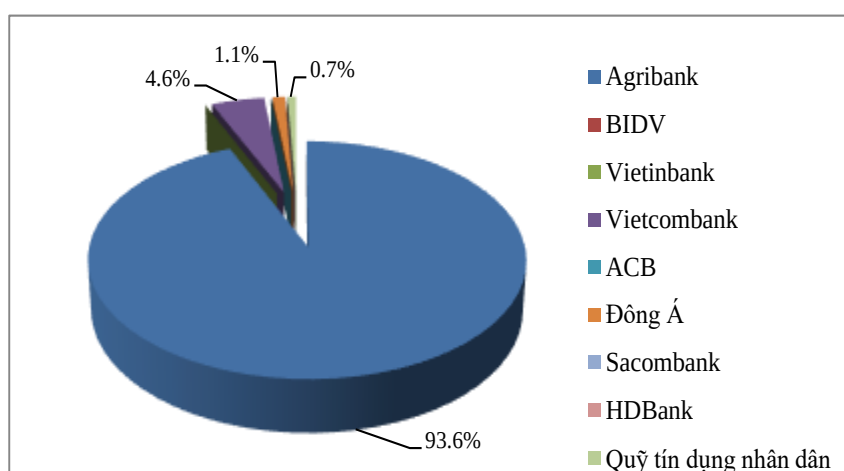
Lĩnh vực tín dụng NN-NT vẫn chưa tăng theo hướng sản xuất hàng hoá quy mô lớn mà chủ yếu 50% hướng đến đối tượng cá nhân và hộ gia đình. Đồng thời, tín dụng cho lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn mới chỉ từng bước chứ chưa tập trung và đi sâu vào những khu vực, ngành hàng xuất khẩu chủ lực của trên địa bàn tỉnh. Dư nợ cho vay chế biến, tiêu thụ nông, lâm thủy sản và muối chỉ chiếm 2,3% trong tổng dư nợ thuộc khu vực NN-NT.



Hình 3: Tỷ trọng dư nợ cho vay NN-NT theo mục đích, chương trình cho vay năm 2014

Nguồn: Báo cáo tình hình cho vay phát triển NN-NT, Ngân hàng Nhà nước CN tỉnh Kon Tum

3.4. Thị phần tín dụng NN-NT



Hình 4: Thị phần tín dụng nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh năm 2015

Nguồn: Báo cáo tình hình cho vay phát triển NN-NT, Ngân hàng Nhà nước CN tỉnh Kon Tum

Cho vay lĩnh vực nông nghiệp đã được mở rộng ở hầu hết các NHTM. Việc đầu tư

vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định 41/2010/NĐ-CP đã thu hút sự

tham gia tích cực của các TCTD. Nếu như trước đây, việc cho vay trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn tập trung chủ yếu vào Agribank và Ngân hàng Chính sách xã hội thì đến nay, cho vay lĩnh vực nông nghiệp đã được mở rộng ở hầu hết các ngân hàng thương mại. Trong số này, Agribank là ngân hàng đi đầu và có tỷ trọng cho vay đối với

lĩnh vực này ở mức cao nhất (khoảng 3.343 tỷ đồng), chiếm 93,6% thị phần (tháng 12/2014). Tiếp theo là NHTMCP Ngoại thương Việt Nam (VCB), NHTMCP Đông Á, và các quỹ tín dụng nhân dân.

3.5. *Rủi ro tín dụng khu vực nông nghiệp nông thôn*



Hình 5: Tỷ lệ nợ xấu trong tín dụng nông nghiệp, nông thôn và toàn địa bàn (%)

Nguồn: Báo cáo tình hình cho vay phát triển NN-NT, Ngân hàng Nhà nước CN tỉnh Kon Tum

Rủi ro tín dụng nông nghiệp, nông thôn được thể hiện chủ yếu qua con số nợ xấu mà khu vực kinh tế này phải đối mặt. Năm 2012, nợ xấu thuộc khu vực NN-NT lên đến 7,79%, chủ yếu rơi vào lĩnh vực cho vay chế biến, tiêu thụ nông, lâm. Nguyên nhân chủ yếu là do sản phẩm đồ gỗ xuất khẩu giảm so với những năm trước và đầu ra cho sản phẩm gặp rất nhiều khó khăn; giá một sản phẩm nông sản chủ lực của tỉnh như: cà phê, cao su xuống thấp và thị trường đầu ra gặp khó khăn. Nhiều doanh nghiệp xuất khẩu nông sản của tỉnh là những doanh nghiệp nhỏ, hoặc doanh nghiệp trực thuộc nên chưa đủ năng lực xuất khẩu trực tiếp, chủ yếu xuất khẩu qua trung gian, do đó giá trị xuất khẩu không được tính cho tỉnh. Ngoài ra hoạt động sản xuất kinh doanh của các hàng vay vốn thuộc lĩnh vực NN-NT bị chi phối và tác động nhiều bởi yếu tố thời tiết thiên tai (hạn hán mất mùa...), dịch bệnh trên đàn gia súc,

gia cầm dẫn đến thiệt hại vốn vay, ngân hàng xử lý, xóa nợ, miễn giảm lãi tiền vay.

Tuy nhiên từ năm 2013 trở đi tỉ lệ nợ xấu trong khu vực nông nghiệp nông thôn duy trì ở mức thấp (<1%). Nhờ thực hiện tốt chính sách cho vay tam nông theo Nghị định 41/2010/NĐ-CP, các NHTM đã có những giải pháp thiết thực nhằm chia sẻ khó khăn cùng người nông dân như vận động những hộ chưa thực sự cần vốn tích cực trả nợ và sẽ giải quyết cho vay trở lại khi có nhu cầu; tham mưu cho chính quyền địa phương có chính sách hỗ trợ kịp thời các hộ thực sự gặp khó khăn, hộ nghèo... Từ đó, tập trung giải ngân cho những hộ đang cần vốn để tiếp tục đầu tư cho diện tích vườn cây đang có, đảm bảo đạt sản lượng khi vào vụ thu hoạch.

Sau 4 năm thực hiện Nghị định 41, cho vay phát triển nông nghiệp nông thôn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng dư nợ cho vay trên địa bàn Kon Tum chiếm 44% tổng dư nợ, với

91.157 khách hàng, chủ yếu tập trung vào việc cho vay trồng cao su tiểu điền, trồng và chăm sóc cây cà phê, phát triển kinh tế hộ, trồng cây dược liệu như sâm Ngọc Linh...



Hình 6: *Vốn từ Agribank Kon Tum góp phần phát triển kinh tế nông thôn địa phương*

Nguồn: www.thoibaonganhang.vn

Có thể thấy rằng, nếu so sánh với các ngành kinh tế khác, tín dụng nông nghiệp, nông thôn được xem là khu vực cho vay hiệu quả, hay nói cách khác, rủi ro cho vay là thấp nhất (Hình 5). Điều này cho thấy, mặc dù phải đối mặt với nhiều rủi ro như vòng quay vốn chậm, rủi ro thiên tai, dịch bệnh, chính sách... nhưng tín dụng nông nghiệp, nông thôn, đối với các NHTM lại có mức độ rủi ro thấp hơn so với các lĩnh vực, ngành nghề khác.

4. Đánh giá thực trạng triển khai chính sách tín dụng thuộc khu vực NN-NT

4.1. Những mặt đạt được

Tín dụng chính sách tăng trưởng cao góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở địa phương, tạo công ăn việc làm, xoá đói, giảm nghèo trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Đối tượng được tiếp cận với nguồn vốn tín dụng ngày càng được mở rộng.

Chính sách ưu đãi về lãi suất, ưu đãi về điều kiện vay vốn được thực hiện tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh.

4.2. Những khó khăn và hạn chế

Mặc dù đã đạt những kết quả đáng khích lệ trong việc cung cấp nguồn vốn phát triển nông

nghiệp, nông thôn, tuy nhiên, những hạn chế trong lĩnh vực này vẫn đang hiện hữu:

- Hậu quả của cơn bão số 9 năm 2009 gây ra trên địa bàn là khá nặng nề, cần nhiều năm khắc phục; Giai đoạn cuối 2015 đầu 2016 hạn hán xảy ra trên diện rộng ảnh hưởng lớn cho hoạt động sản xuất nông nghiệp, gây thiệt hại lớn cho sản xuất nông nghiệp trên địa bàn, do đó tác động đến hiệu quả sử dụng vốn vay và tác động đến tỷ lệ nợ xấu trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.

- Trong thời gian qua, giá cả các mặt hàng nông sản nói chung, giá sản phẩm nông sản chủ lực của tỉnh như cà phê nhân, cao su, sắn lát... nói riêng thường biến động bất lợi gây nhiều khó khăn cho các doanh nghiệp và hộ dân trồng, chế biến, thu mua nông sản trên địa bàn trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, ảnh hưởng đến nguồn thu nhập để trả nợ vay.

- Đối với việc triển khai chính sách cho vay tái canh cà phê và cho vay hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp theo Quyết định số 68, một số khó khăn, vướng mắc chủ yếu như:

+ Nhiều người dân chưa mạnh dạn thực hiện tái canh cây cà phê vì trong thời gian tái canh không có nguồn thu, ảnh hưởng đến thu nhập và đời sống.

+ Đối với các doanh nghiệp trồng cà phê, Agribank chi nhánh Kon Tum đã làm việc trực tiếp với các đơn vị này, nhưng một số đơn vị chưa có nhu cầu tái canh cây cà phê vì vườn cây cà phê còn đạt năng suất, sản lượng cao.

+ Đa số hộ dân có nhu cầu vay tái canh cà phê đều đang có dư nợ tại ngân hàng, thế chấp bằng quyền sử dụng đất và tài sản vườn cây cà phê, chưa có khả năng trả hết nợ cũ, nên khó khăn trong việc vay mới.

- Khó khăn trong việc chứng nhận quyền sở hữu tài sản gắn liền trên đất cho tổ chức cá nhân vay vốn (nhất là cây cao su, cà phê, nhà máy...) để tổ chức, cá nhân có tài sản thế chấp vay vốn ngân hàng.

- Khách hàng vay vốn gặp khó khăn trong việc cung cấp hóa đơn, chứng minh mục đích vay vốn theo quy định của pháp luật, đồng thời làm tăng chi phí của khách hàng vay vốn; yêu cầu đảm bảo hồ sơ, tài liệu kỹ thuật, nguồn gốc xuất xứ, quyền bảo hộ về sở hữu đối với các máy móc, thiết bị theo chủng loại, chất lượng quy định.

- Vướng mắc trong việc thực hiện quy định không dùng tiền mặt theo quy định tại Thông tư số 09/2012/TT – NHNN ngày 10/04/2012 của NHNN, là khó khăn lớn đối với người vay là cá nhân, hộ gia đình vùng sâu, vùng xa, đồng bào DTTS.

- Một bộ phận người dân còn mang tâm lý ỉ lại, trông chờ vào Nhà nước đối với thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay, ngoài một số đối tượng không trả nợ và đi khỏi nơi cư trú.

- Địa bàn nhiều huyện dân cư thưa thớt, dân cư phân bố không đồng đều trong khi năng lực, mạng lưới của một số chi nhánh, phòng giao dịch ngân hàng thương mại còn mặt hạn chế nên việc thông tin, tuyên truyền, triển khai các chính sách tín dụng tại địa bàn một số xã vùng biên giới, vùng sâu, vùng xa còn gặp nhiều khó khăn. Bên cạnh đó, một bộ phận người dân (nhất là đồng bào DTTS tại các xã vùng sâu, vùng xa) thông tin về chính sách có nơi mức độ tiếp cận còn hạn chế, khi tiếp cận được thông tin về chương trình thì lại do hạn chế về trình độ nên gặp nhiều khó khăn khi thực hiện đúng các quy định để được vay vốn.

5. Kiến nghị

Tín dụng phục vụ phát triển NN-NT là một chính sách tín dụng lớn, phạm vi rộng và đối tượng phục vụ đa dạng, chiếm số lượng lớn trong lĩnh vực nông nghiệp, khu vực nông thôn cả nước nói chung, tỉnh Kon Tum nói riêng. Với tầm quan trọng đó, cần thiết phải phát huy hơn nữa vai trò của các Ngân hàng thương mại, một tổ chức huy động vốn, cung cấp các sản phẩm tín dụng và dịch vụ ngân hàng. Ngược lại, các sản phẩm mang tính đặc trưng mà ngân hàng thương mại cung cấp sẽ trở thành lợi thế cạnh tranh của

chính các ngân hàng. Trong khuôn khổ bài viết, nhóm tác giả mạnh dạn đưa ra một số định hướng trong việc xây dựng chính sách tín dụng nhằm phát triển khu vực NN-NT trên địa bàn tỉnh Kon Tum như sau:

- Cải cách hành chính như miễn lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm, lệ phí chứng thực hợp đồng thế chấp tài sản; ghi nhận tài sản trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình; xác nhận đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất...; vướng mắc về hóa đơn, chứng từ và việc giải ngân bằng tiền mặt trong cho vay hỗ trợ giảm tổn thất trong nông nghiệp.

- Quan tâm công tác đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ tín dụng, triển khai tốt mối liên hệ gắn bó giữa nhà nông với nhà khoa học, DN và ngân hàng nhằm tạo ra động lực phát triển nông nghiệp, nông thôn, nâng cao sức cạnh tranh cho sản phẩm nông nghiệp ở thị trường nội địa cũng như xuất khẩu ra nước ngoài.

- Thực hiện rà soát, đánh giá lại nợ xấu, và khả năng thu hồi các khoản nợ để có biện pháp xử lý, thu nợ; tiến hành phân loại các khoản nợ xấu theo đối tượng vay vốn và theo các loại tài sản bảo đảm, đánh giá thực trạng tài sản đảm bảo, nguồn gốc pháp lý, giá trị thị trường, khả năng thanh khoản của các tài sản này và có các giải pháp xử lý phù hợp với từng loại hình nợ xấu.

- Thực hiện các giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, hộ dân, nâng cao khả năng tiếp cận vốn của khách hàng; rà soát, đơn giản hóa các thủ tục hành chính trong việc cho vay đối với khách hàng, như cho vay lưu vụ, cho vay thông qua chuỗi liên kết trong sản xuất nông nghiệp, cho vay sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao...

- Tăng cường năng lực tài chính của các NHTM, đa dạng hóa các nguồn vốn và sản phẩm tín dụng cho phát triển nông nghiệp, nông thôn. Các NHTM cần chú trọng củng cố và mở rộng mạng lưới hoạt động, tạo điều kiện thuận lợi để nông dân tiếp cận vốn vay, các sản phẩm dịch vụ ngân hàng.

- Đa dạng hóa phương thức cho vay giúp hộ nông dân dễ dàng khi vay vốn. Xây dựng các cơ chế, chính sách cho vay theo từng sản phẩm riêng biệt, từng lĩnh vực, ngành hàng phù hợp với quá trình sản xuất, chế biến, từng loại cây trồng, vật nuôi. Ngân hàng cũng cần thiết kế các khoản vay có tính chất mùa vụ, phát triển sản phẩm theo chuỗi với mức lãi suất hợp lý dành cho những khách hàng có uy tín và có những kiến thức nhất định về tài chính, sản xuất kinh doanh, giúp tiết kiệm và sử dụng vốn hiệu quả.

- Quan tâm đến việc đầu tư tín dụng phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo mô hình liên kết hoặc chuỗi giá trị nhằm khuyến khích đầu tư cho nông nghiệp phát triển hướng đến một nền nông nghiệp hiện đại, nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm, góp phần nâng cao hiệu quả vốn vay ngân hàng.

- Khuyến khích các TCTD chưa cho vay phát triển nông nghiệp, nông thôn tích cực cho vay phát triển nông nghiệp, nông thôn dù không quy định thành văn bản nhưng điều kiện mà NHNN hiện nay đang áp

dụng đối với tái cấp vốn cho vay nông nghiệp, nông thôn là đòi hỏi các ngân hàng phải có tỷ lệ nhất định trong cho vay lĩnh vực NN-NT. Bởi số lượng các ngân hàng thương mại tham gia vào hoạt động tín dụng NN-NT vẫn còn hạn chế.

6. Kết luận

Tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn là một trong những ưu tiên hàng đầu trong công tác đầu tư tín dụng của ngành Ngân hàng trên địa bàn. Bên cạnh các thành quả đạt được, trong công tác đầu tư tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn vẫn còn nhiều khó khăn, vướng mắc, còn mặt hạn chế, chưa đạt hiệu quả cao. Từ việc nêu ra thực trạng công tác đầu tư tín dụng, bài viết nhằm đánh giá và đưa ra các giải pháp tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, thúc đẩy tăng trưởng tín dụng bền vững, góp phần tích cực trong quá trình phát triển nông nghiệp và nông thôn của tỉnh Kon Tum.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Báo cáo tình hình cho vay phát triển NN-NT giai đoạn 2011-2015, Ngân hàng Nhà nước CN tỉnh Kon Tum.
- Lê, T. T. N. và Phạm, M. H. (2015). Tín dụng ngân hàng cho khu vực nông nghiệp, nông thôn - thực trạng và một số khuyến nghị. Tạp chí Khoa học và Đào tạo ngân hàng, 145.
- Nguyễn, Q. N. và Trần, H. M. N. (2012). Giải pháp tín dụng đáp ứng nhu cầu phát triển nông nghiệp, nông thôn Việt Nam. Phát triển Kinh tế, 255.
- Phan, Q. Đ., Trần, H. Y. và Phạm, H. M. (2015). Mô hình cho vay đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa Kinh nghiệm châu Phi và bài học cho Việt Nam.
- Trương, V. N. L. (2017). Tác động của Chính sách Tín dụng trong việc xóa đói giảm nghèo tại thành phố Kon Tum giai đoạn 2014–2016. (Thạc sĩ), ĐH Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, TP. Hồ Chí Minh.
- Võ, Đ. T. (2010). Chính sách tín dụng hỗ trợ phát triển kinh tế nông hộ tại ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Daklak. (Thạc sĩ), Đại học Đà Nẵng, TP. Đà Nẵng.
- Võ, T. T. A. (2010). Nâng cao hiệu quả tín dụng chương trình tín dụng ưu đãi hộ nghèo của Ngân hàng Chính sách xã hội tại thành phố Đà Nẵng. Tạp chí KHCN Đà Nẵng, 5, 52-59.